TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25-7-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Thái Ngọc**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Võ Văn Phượng**.

Ông **Trà Minh Châu**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Huỳnh Gia Mẫn** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng *tham gia phiên toà:* Bà **Dương Hồng Thủy** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2024/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 4 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Ông Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1954;

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt);

- *Bị đơn:* Bà **Ngô Kim H**, sinh năm 1969;

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/3/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:***

Vào năm 2001, ông Nguyễn Văn Đ và bà Ngô Kim H tổ chức kết lễ cưới theo phong tục truyền thống. Đến ngày 16/5/2006 ông Nguyễn Văn Đ, bà Ngô Kim H mới tiến hành tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 026, quyển số 01/2006 ngày 16/5/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Ngô Kim H chung sống hạnh phúc đến năm 2014. Kể từ năm

2014, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường hay cãi vả. Từ năm 2018 thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay.

Ông Nguyễn Văn Đ xác định vợ chồng có hai người con chung tên Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 26/11/2005 và Nguyễn Văn V, sinh ngày 28/3/2009. Quá trình chung sống vợ chồng không tạo lập được tài sản chung và không có nợ chung.

Nay ông Nguyễn Văn Đ thấy cuộc sống chung không thể kéo dài vì không có tiếng nói chung.

Nay Ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bà Ngô Kim H.

- Về con chung: Đối với con chung tên Nguyễn Văn V, sinh ngày 28/3/2009 ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu được giao cho bà Ngô Kim H nuôi dưỡng và ông Nguyễn Văn Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Riêng đối với con chung tên Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 26/11/2005 đã thành niên.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện ông Nguyễn Văn Đ đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm có:

+ Căn cước công dân Ông Nguyễn Văn Đ (Chứng thực);

+ Giấy đăng ký kết hôn số 026, quyển số 01/2006 do UBND xã B cấp ngày 16/5/2006;

+ Giấy khai sinh tên Nguyễn Ngọc N và Nguyễn Văn V (bản sao).

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn Đ thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với con chung, ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu được nuôi dưỡng đến khi thành niên và không yêu cầu bà Ngô Kim H phải cấp dưỡng đối với con chung tên Nguyễn Văn V, sinh ngày 28/3/2009.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng cũng như hỗ trợ cho nguyên đơn trong việc gửi các tài liệu chứng cứ cho bà Ngô Kim H. Nhưng bà Ngô Kim H thường xuyên không có mặt tại nhà và có bà Nguyễn Ngọc N là con ruột ngụ cùng địa chỉ nhận thay. Do đó việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên bà Ngô Kim H không có văn bản trình bày ý kiến cũng như không đến Tòa án theo giấy triệu tập.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về hoàn cảnh gia đình, nguyên nhân phát sinh tranh chấp và nguyện vọng của vợ chồng, con trong vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay,

* Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với bà Ngô Kim H. Ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Văn V đến khi thành niên và không yêu cầu bà Ngô Kim H cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn bà Ngô Kim H vắng mặt.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn chưa thực hiện đúng, đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn Đ đối với bà Ngô Kim H. Giao con chung tên Nguyễn Văn V, sinh ngày 28/3/2009 cho ông Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên; Bà Ngô Kim H không phải cấp dưỡng nuôi con do ông Nguyễn Văn Đ không yêu cầu. Bà Ngô Kim H được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Đối với con chung Nguyễn Ngọc N đã thành niên, tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 18/3/2024, ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Ngô Kim H có nơi cư trú tại: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về xét xử vắng mặt đối với đương sự: Bị đơn bà Ngô Kim H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà Ngô Kim H.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ về việc ly hôn. Vào năm 2001, ông Nguyễn Văn Đ và bà Ngô Kim H tổ chức kết lễ cưới theo phong tục truyền thống. Đến ngày 16/5/2006 ông Nguyễn Văn Đ, bà Ngô Kim H mới tiến hành tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 026, quyển số 01/2006 ngày 16/5/2006.

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Đ cùng bà Ngô Kim H kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Trường Khánh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 026, quyển số 01/2006, ngày 16/5/2006. Theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn Đ và bà Ngô Kim H là hợp pháp.

[3.2] Theo trình bày của ông Nguyễn Văn Đ: Sau khi kết hôn, vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Ngô Kim H chung sống hạnh phúc đến năm 2014. Kể từ năm 2014, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường hay cãi vả. Từ năm 2018 thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy rằng trong quá trình giải quyết vụ án, bà Ngô Kim H không có ý kiến hay phản đối những tình tiết, sự kiện trên. Đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Ông Nguyễn Văn Đ đã xác định cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn của vợ chồng không thể hàn gắn được và vợ chồng đã sống ly thân từ lâu nên tình cảm không còn. Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Ngô Kim H hàn gắn tình cảm, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà Ngô Kim H đều vắng mặt. Vì vậy Tòa án không tổ chức được phiên hòa giải để các bên hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ cho ông Nguyễn Văn Đ được ly hôn với bà Ngô Kim H.

[3.3] Về con chung: Ông Nguyễn Văn Đ xác định thời gian chung sống, vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ và bà Ngô Kim H có hai người con chung tên Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 26/11/2005 và Nguyễn Văn V, sinh ngày 28/3/2009. Đối với con chung tên Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 26/11/2005 đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Đối với con chung tên Nguyễn Văn V, sinh ngày 28/3/2009 ông Nguyễn Văn Đ đã thay đổi yêu cầu khởi kiện và ông yêu cầu được nuôi dưỡng đến khi thành niên và không yêu cầu bà Ngô Kim H phải cấp dưỡng. Vấn đề này Hội đồng xét xử thấy rằng việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận theo khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét về yêu cầu này, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Ngô Kim H đều vắng mặt và không có ý kiến gì với yêu cầu nuôi con chung của ông Nguyễn Văn Đ đưa ra. Bên cạnh đó cháu Nguyễn Văn V cũng đưa ra nguyện vọng được ở với cha khi cha mẹ ly hôn. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu Nguyễn Văn V, sinh ngày 28/3/2009 cho ông Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên nuôi dưỡng đến khi thành niên và bà Ngô Kim H không phải cấp dưỡng cho con. Bên cạnh đó, bà Ngô Kim H có quyền, nghĩa vụ thăm nom đối với con không trực tiếp nuôi dưỡng mà không ai được cản trở theo Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn Đ xác định không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn Đ xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án trong vụ án ly hôn nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn Đ thuộc trường hợp là người cao tuổi và có đơn yêu cầu miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 5 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên được chấp nhận. Bà Ngô Kim H không phải chịu án phí sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, ông Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bà Ngô Kim H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú phát biểu tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, Điều 235, khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Đ được ly hôn với bà Ngô Kim H.

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn V, sinh ngày 28/3/2009 cho ông Nguyễn Văn Đ nuôi dưỡng đến khi thành niên, bà Ngô Kim H không phải cấp dưỡng cho con. Bà Ngô Kim H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Đối với con chung tên Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 26/11/2005 đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn Đ xác định không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4/ Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn Đ xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Đ thuộc trường hợp là người cao tuổi, có đơn yêu cầu miễn nộp tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm nên được miễn án phí án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Bà Ngô Kim H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án và bà Ngô Kim H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P. KT, NV&THA);
- VKSND huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Thái Ngọc